

Số: 30 / BC-HĐQTCSĐP

Bình Phước, ngày 15 tháng 04 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ
Năm báo cáo : 2013

I/- Thông tin chung :

1.Thông tin khái quát :

- _ Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ
- _ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số : 3800100376
- _ Vốn điều lệ : 430.000.000.000 đ (Bốn trăm ba mươi tỷ đồng)
- _ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 430.000.000.000 đ
- _ Địa chỉ : xã Thuận Phú – huyện Đồng Phú – tỉnh Bình Phước.
- _ Số điện thoại : 0651. 3819786 _ 0651 3819709
- _ Số fax : 0651 3819620
- _ Website : doruco.com.vn
- _ Mã cổ phiếu : DPR

2.Quá trình hình thành và phát triển :

Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú tiền thân là Đồn điền Thuận Lợi của Công ty Michelin – Pháp, được hình thành vào khoảng tháng 6 năm 1927. Diện tích vườn cây của Công ty cổ phần cao su Đồng Phú nằm trong vùng cao su truyền thống đã được người Pháp xác định. Đến ngày 21/05/1981, doanh nghiệp nhà nước_Công ty Cao su Đồng Phú trực thuộc Tổng Cục Cao su Việt Nam chính thức được thành lập.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú đã được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước và chính thức đi vào hoạt động ngày 28 tháng 12 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 44.03.000069 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22 tháng 8 năm 2008. Đến ngày 27/05/2010, đã được Phòng Đăng ký kinh doanh_Sở kế hoạch & Đầu tư Bình Phước điều chỉnh lần thứ ba thành Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3800100376. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 04/05/2012 do bổ sung ngành nghề kinh doanh. Người đại diện theo pháp luật hiện tại là ông Đặng Gia Anh_Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú có vốn điều lệ ban đầu 400.000.000.000đ. Cổ phiếu của Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú niêm yết

trên sàn giao dịch Sở chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngày 30/11/2007, mã chứng khoán DPR.

Tháng 03 năm 2010, Công ty đã phát hành thêm 3.000.000 cổ phiếu, tăng vốn Điều lệ của công ty từ 400 lên 430 tỷ đồng.

3.Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

+ Ngành nghề kinh doanh chính của công ty :

- Trồng và chế biến cao su. Thanh lý vườn cây cao su.
- Khai thác và chế biến gỗ cao su.
- Chăn nuôi gia súc, gia cầm.
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.
- Thương nghiệp buôn bán.
- Thi công cầu đường bộ.
- Đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài khu công nghiệp ; xây dựng dân dụng, công nghiệp.
- Đầu tư và kinh doanh địa ốc.

+ Địa bàn kinh doanh :

Vườn cây cao su tập trung ở huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; có một phần ở Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước và huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

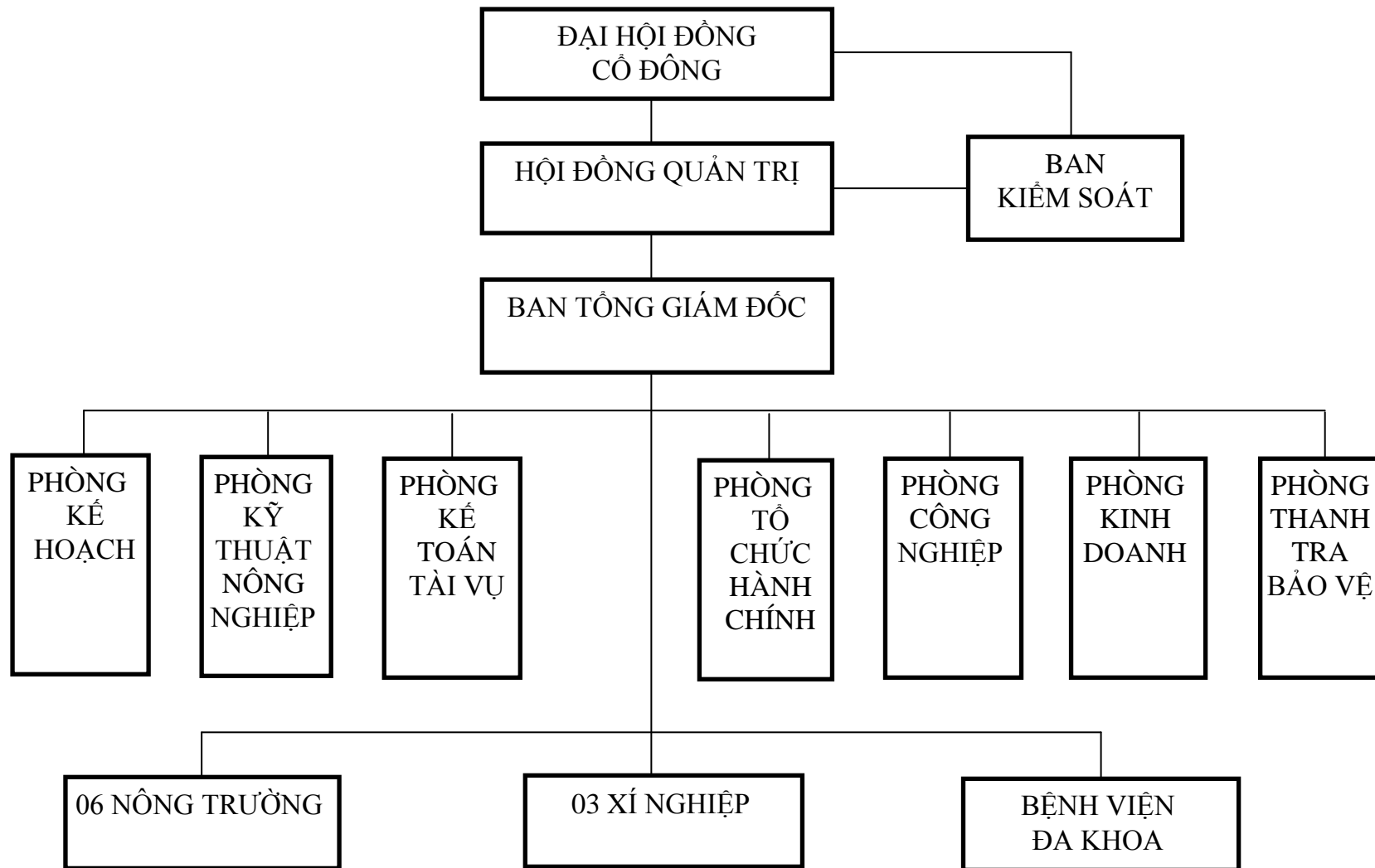
Địa bàn kinh doanh các sản phẩm chính của Công ty như sau:

_Mủ cao su : xuất khẩu đi nhiều nước và vùng lãnh thổ trên thế giới như Hàn quốc, Đài loan, Nhật bản, Châu Âu, Singapore,... Ngoài ra còn bán nội địa cho các công ty thương mại và sản xuất khắp cả nước.

_Gỗ cao su : Bán chủ yếu cho các công ty chế biến gỗ ở khu vực các tỉnh Đông Nam bộ như Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh.

4.Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy :

_ Mô hình quản trị :



_ Cơ cấu bộ máy quản lý :

a) Ban Tổng giám đốc gồm 4 thành viên. Bao gồm Tổng Giám đốc phụ trách chung và 03 Phó Tổng Giám đốc phụ trách từng mảng công việc như kỹ thuật và môi trường, xây dựng cơ bản, hành chính-tổ chức...

b) Các phòng ban công ty gồm : phòng Tổ chức-Hành chính, phòng Kế hoạch, phòng Kỹ thuật, phòng Kinh doanh-Nghiên cứu thị trường, phòng Kế toán – tài vụ, phòng Thanh tra-Bảo vệ & Quân sự, đến tháng 06/2013 đã thành lập thêm 01 phòng Công nghiệp với nhiệm vụ chính là quản lý quy trình công nghệ, thiết bị máy móc và bảo vệ môi trường trong toàn Công ty.

c) Các đơn vị trực thuộc công ty gồm :

- Nông Trường cao su An Bình
- Nông Trường cao su Tân Lập
- Nông Trường cao su Tân Lợi
- Nông Trường cao su Tân Thành
- Nông Trường cao su Thuận Phú
- Nông Trường cao su Tân Hưng
- Xí nghiệp chế biến mủ Thuận Phú
- Nhà máy chế biến mủ Tân Lập
- Xí nghiệp Vật tư – Vận tải và Xây dựng.
- Trung tâm Y tế nay đã đổi tên thành Bệnh viện Đa khoa Công ty.

_ Các công ty con, công ty liên kết :

a) Công ty con :

1. Công ty CP cao su Đồng Phú-Đắc Nông

Địa chỉ : xã Ea Pô, huyện Cư Jut, tỉnh Đắc Nông

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Trồng, khai thác và chế biến cao su.

Vốn điều lệ thực góp : 120.000.000.000 đ

Tỷ lệ sở hữu của Công ty : 92%

2. Công ty CP Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú

Địa chỉ : Khu phố Bàu Ké, Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

Vốn điều lệ thực góp : 60.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty : 51%

3.Công ty CP cao su Kỹ thuật Đồng Phú

Địa chỉ :xã Tân lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất nệm và gối từ cao su thiên nhiên.

Vốn điều lệ thực góp : 164.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty : 74,57%

b)Các Công ty liên kết :

1.Công ty CP Cao su Đồng Phú-Kratie

Địa chỉ : xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Địa điểm đầu tư : huyện Sam bô, tỉnh Kratie, Vương quốc Campuchia

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Trồng, khai thác và chế biến cao su.

Vốn điều lệ thực góp : 900.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty : 54,09%

2.Công ty CP Gỗ Đồng Phú

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Tân Thành, xã Tân Thành, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Chế biến gỗ, sản xuất đồ gia dụng từ gỗ cao su và gỗ rừng trồng.

Vốn điều lệ thực góp : 40.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty : 40%

5.Định hướng phát triển :

+ Các mục tiêu chủ yếu :

Trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty, Ban lãnh đạo Công ty luôn xác định mục tiêu chính đó là củng cố, thâm canh và mở rộng diện tích vườn cây cao su; nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của sản xuất cao su. Xem đó là ngành nghề chính nhằm mang lại lợi nhuận ổn định, bền vững và lâu dài cho Công ty. Từ đó, đảm bảo tối ưu hóa lợi nhuận cho các cổ đông đồng thời từng bước nâng cao đời sống người lao động.

Song song với mục tiêu đó, Công ty cũng đầu tư một số ngành nghề mà Công ty có lợi thế trong khu vực như : Đầu tư chế biến các sản phẩm từ nguyên liệu cao su của Công ty, chế biến sản phẩm từ gỗ cao su, xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư

Quá trình hoạt động sản xuất – kinh doanh trong thời gian qua Công ty luôn đạt được mục tiêu đã được định hướng.

+ **Định hướng phát triển:**

- Khắc phục các khó khăn do cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu tác động, tận dụng mọi nguồn lực để tiếp tục đầu tư đúng tiến độ các dự án đầu tư công ty đã triển khai, nhất là các dự án đầu tư trồng cao su tại Vương quốc Campuchia.

- củng cố và hoàn thiện Công ty cổ phần cao su Đồng Phú – Kratie (Tại Tỉnh Kratie – Vương quốc Campuchia) ; với vốn điều lệ hiện tại là 900 tỷ đồng, quy mô 9.000 ha, trong đó diện tích cao su sẽ khoảng 6.300 ha. Phần vốn góp của Công ty là 54,09% vốn điều lệ.

- Củng cố và tìm giải pháp mở rộng diện tích dự án phát triển cao su tại huyện CưJut, tỉnh Đắk Nông, với tổng diện tích quy hoạch khoảng 4.000 ha. Do nhiều nguyên nhân, đến nay diện tích quy hoạch đã giảm xuống chỉ còn 1.253 ha. Hiện đã thành lập Cty CP Cao su Đồng Phú-Đak Nông với vốn điều lệ 120 tỷ đồng, trong đó Công ty chiếm 92% vốn điều lệ (thực góp 88,41%). Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng đến nay dự án đã trồng được 935 ha.

- Tham gia đầu tư vào Công ty cổ phần cao su Sa Thầy (Tại Tỉnh Kon Tum), với vốn điều lệ là 400 tỷ đồng, quy mô 10.000 ha cao su, trong đó công ty góp 10% vốn điều lệ.

- Tăng cường nghiên cứu để đầu tư phát triển chiều sâu nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững như : đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất vườn cây trên diện tích hiện có, xây dựng kế hoạch thanh lý tái canh hợp lý để vừa có cơ cấu vườn cây giống mới năng suất cao kế thừa vừa ổn định doanh thu và lợi nhuận cho cổ đông.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện sản xuất; tăng cường công tác tiếp thị để đưa Công ty cổ phần cao su kỹ thuật Đồng Phú với vốn điều lệ là 164 tỷ đồng, trong đó công ty góp 74,57% vốn điều lệ, chuyên sản xuất hàng tiêu dùng (Nệm, gối...) từ nguyên liệu mủ latex của công ty ngày càng phát triển; nhằm tăng lợi nhuận cho công ty và đa dạng sản phẩm từ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính, giảm dần tỷ lệ xuất khẩu nguyên liệu thô. Hàng năm nhà máy này sẽ tiêu thụ khoảng 3.000 tấn mủ quy khô của Công ty.

- Tiếp tục phát triển Công ty cổ phần đầu tư khu công nghiệp Bắc Đồng Phú với vốn điều lệ 100 tỷ đồng trên cơ sở liên kết với Công ty cổ

phần KCN Nam Tân Uyên. Công ty CP cao su Đồng Phú góp 51 % vốn điều lệ. Nhiệm vụ chính là triển khai đầu tư và kinh doanh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú với quy mô gần 190 ha và đầu tư các khu dân cư trên địa bàn thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với tổng diện tích khoảng 50 ha.

- Công ty CP Gỗ Đồng Phú, vốn điều lệ 40 tỷ đồng, Công ty góp 40% vốn điều lệ. Nhiệm vụ chính là mang lại giá trị gia tăng trên cơ sở chế biến, sản xuất phôi bán thành phẩm và sản phẩm gia dụng từ gỗ cao su thanh lý của Công ty và một số đơn vị khác trong vùng. Cũng cố thêm khâu tiếp thị, bán hàng và đa dạng hóa mẫu mã hơn để tăng cường tiêu thụ sản phẩm, đa dạng hóa thị trường.

+ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty :

_ Đối với môi trường : Công ty luôn xem phát triển gắn với bảo vệ môi trường là yêu cầu và cũng là mục tiêu cho sự phát triển bền vững. Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; tích cực và chủ động xây dựng và hoàn thiện các đề án bảo vệ môi trường đối với từng khu vực sản xuất, nhất là các nhà máy chế biến. Cả hai nhà máy của Công ty đều đã nhận được chứng nhận hoàn thành các đề án, biện pháp bảo vệ môi trường.

_ Đối với xã hội và cộng đồng : Công ty là một doanh nghiệp hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận nhưng cũng là một thành viên trong cộng đồng nên phải có trách nhiệm đóng góp, hỗ trợ cho cộng đồng, cho xã hội. Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng như đóng góp các quỹ an sinh xã hội, quỹ vì người nghèo, các chương trình xã hội từ thiện, ...

6. Các rủi ro :

- _ Sự cạnh tranh của cao su nhân tạo đối với cao su thiên nhiên.
- _ Ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới có thể gây giảm cầu cao su thiên nhiên và làm sụt giảm giá cao su.
- _ Sự thay đổi các chính sách về thuế, tỷ giá,.. của Chính Phủ.
- _ Những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu với những tác nhân khó lường trước. Cây cao su là một cây trồng nông nghiệp nên sẽ chịu ảnh hưởng nhất định đối với các biến đổi này.

II/-Tình hình hoạt động trong năm 2013:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Diện tích vườn cây kinh doanh : 7.502 ha
- Sản lượng khai thác : 16.323 tấn = 108,24% kế hoạch.
- Năng suất đạt 2,25 tấn / ha, năm thứ năm liên tiếp là công ty có năng suất cao nhất trong Tập đoàn CN cao su Việt Nam.

- Sản lượng tiêu thụ: 19.107 tấn

- Trồng tái canh : 362 ha

- Doanh thu : + Kế hoạch năm 2013 : 1.532 tỷ đồng

+ Thực hiện năm 2013 : 1.167,583 tỷ đồng

Doanh thu năm 2013 đạt 76,21 % kế hoạch (kế hoạch chưa điều chỉnh)

- Giá bán bình quân : 52,919 triệu đ/ tấn

- Giá thành bình quân : 37,589 triệu đ/tấn

Mặc dù các chi phí nguyên vật liệu đầu vào đều tăng, nhưng Công ty kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, động viên người lao động tăng năng suất, sản lượng; Vì vậy, năm 2013 Công ty CP cao su Đồng Phú có năng suất cao nhất và chi phí giá thành sản xuất thấp nhất trong Ngành cao su Việt Nam

- Lợi nhuận trước thuế: + Kế hoạch năm 2013 : 320 tỷ đồng

+ Thực hiện năm 2013 : 398,37 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 124,5 % kế hoạch

(So với kế hoạch chưa được quý cổ đông điều chỉnh thì lợi nhuận trước thuế năm 2013 chỉ đạt 77,35 %)

- Thu nhập bình quân đạt trên 7.200.000 đ/ người / tháng (chỉ đạt 87,8% so với năm 2012, giảm 1.000.000 đ/ người / tháng)

Nhìn chung, do chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới nên năm 2013 cũng là một năm khó khăn của kinh tế Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Giá cả cao su trên thị trường thế giới giảm sâu (từ 63 triệu / tấn / năm 2012 xuống còn gần 53 triệu / tấn/ năm 2013), ảnh hưởng đến doanh thu Công ty phải trình xin ý kiến cổ đông để giảm kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, mặc dù sản lượng có vượt kế hoạch. Bên cạnh đó, nhờ tăng sản lượng, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nên tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty vượt trên 24% kế hoạch được điều chỉnh và chỉ giảm 22,65% so với kế hoạch từ đầu năm.

2. Tổ chức và nhân sự :

Báo cáo thường niên 2013

a. Các Thành viên Ban Tổng giám đốc gồm :

+ Ông Nguyễn Thanh Hải - Tổng Giám Đốc

Sinh ngày 25/9/1956.

Trình độ : Kỹ sư nông học + Cử nhân quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm : có 33 năm quản lý trong ngành.

Số cổ phiếu được ủy quyền (sở hữu nhà nước): 8.600.000 CP

Số cổ phiếu sở hữu : 77.500 CP

Tổng cộng : 8.677.500 CP

Tỷ lệ %/tổng số CP : 20,018 %

+ Ông Phạm Văn Luyện - Phó Tổng Giám Đốc

Sinh ngày 20/8/1957.

Trình độ : Kỹ sư Nông học + Giám đốc doanh nghiệp

Kinh nghiệm : có 32 năm quản lý trong ngành

Số cổ phiếu sở hữu : 2.500 CP

Tỷ lệ %/tổng số CP : 0,006%

- Ông Hồ Cường - Phó Tổng Giám Đốc

Sinh ngày 08/6/1966.

Trình độ : Kỹ sư Nông học.

Kinh nghiệm : có 24 năm quản lý trong ngành.

Số cổ phiếu sở hữu : 1.600 CP

Tỷ lệ %/tổng số CP : 0,004%

- Ông Nguyễn Thanh Bình – Kế toán trưởng

Sinh ngày 26/10/1959.

Trình độ : Cử nhân tài chính kế toán

Kinh nghiệm : có 26 năm quản lý trong ngành.

Số cổ phiếu sở hữu : 2.600 CP

Tỷ lệ %/tổng số CP : 0,006%

b.Số cán bộ công nhân viên của Công ty đến 31/12/2013 là 4.209 người.

Công ty thực hiện trả lương cho người lao động theo chất lượng, hiệu quả công việc/sản phẩm. Tổng quỹ lương được xác định theo tổng doanh thu mủ cao su như tất cả các công ty trong Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Ngoài tiền lương, Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách và chế độ khác cho người lao động như ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện

vật, bảo hộ lao động, nghỉ phép năm,... theo đúng các quy định của pháp luật về lao động hiện hành của Nhà nước.

Tùy theo quỹ lương, mức trượt giá và khả năng chịu được của giá thành sản phẩm hàng năm mà Công ty có điều chỉnh đơn giá tiền lương và các đơn giá khác cho phù hợp.

Bên cạnh đó, Công ty cùng với Công Đoàn còn sử dụng quỹ phúc lợi để tổ chức cho người lao động các hoạt động thường xuyên hàng năm như tham quan nghỉ mát, biểu diễn văn hóa, thi đấu thể dục thể thao,....

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

+ Những thay đổi chủ yếu trong năm :

Triển khai khai hoang, trồng mới tại Công ty cổ phần cao su Đồng Phú - Kratie (Tỉnh Kratie – Vương quốc Campuchia) diện tích 230 ha.

Sản phẩm nệm và gối của Công ty cổ phần cao su kỹ thuật Đồng Phú đã có mặt tại hầu hết các tỉnh, thành lớn của Việt Nam. Thương hiệu “Nệm Đồng Phú” đang dần được ưa chuộng vì chất lượng tốt, giá cả phải chăng. Công ty cũng đang triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để từng bước có chỗ đứng vững chắc trong thị trường. Doanh thu năm 2013 tăng trưởng bằng 163% so với năm 2012.

Tiếp tục triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và khu dân cư tại Công ty CP khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (Vốn điều lệ 100 tỷ đồng, Công ty CP cao su Đồng Phú góp 51% Vốn điều lệ), tiếp tục phát triển kinh doanh mặc dù còn gặp phải nhiều khó khăn, bước đầu đã có lợi nhuận và chia cổ tức. Năm 2013 mặc dù rất khó khăn nhưng cũng đã cho thuê thêm được 04 ha. Chia cổ tức năm 2013 dự kiến là 4%.

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất ở Công ty CP Gỗ Đồng Phú, nhằm tận dụng thế mạnh về nguyên liệu gỗ khi thanh lý cao su và đem lại giá trị gia tăng lớn hơn cho Công ty.

Tại Công ty, đã thực hiện trồng tái canh 362 ha và chăm sóc 1.800 ha hiện có.

4. Tình hình tài chính :

a. Tình hình tài chính công ty mẹ :

	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	% Tăng' (+), giảm -
	Tổng giá trị tài sản	Đồng	2.493.763.615.307	2.516.942.084.777	09,29

	Doanh thu thuần	Đồng	1.365.948.073.177	1.167.583.108.654	-14,52
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	589.973.714.823	391.512.160.475	-33,63
	Lợi nhuận khác	Đồng	8.229.798.721	6.861.420.879	-23,12
	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	584.800.682.764	398.373.581.354	-31,87
	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	%	29,4	42,34	44,01

Doanh thu thuần năm 2013 giảm 14,52 % so với năm 2012 . Do năm 2013 giá bán bình quân 52.919.234 VNĐ/ Tấn, năm 2012 giá bán bình quân: 62.134.483 VNĐ/Tấn; giá bán bình quân năm 2013 giảm : 9.215.249 VNĐ/Tấn hay giảm 14,83% so với năm 2012. Vì vậy lợi nhuận kinh doanh năm 2013 giảm 33,63% , tổng lợi nhuận trước thuế giảm: 31,87% so với năm 2012.

b.Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán nhanh			
	+ Hệ Số Thanh toán hiện hành			
	TSLĐ/Nợ ngắn hạn	lần	4,36	4,98
	+ Hệ Số Thanh Toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	lần	4,03	4,54
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	13,29	10,58
	+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	15,33	11,83
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho			
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	vòng	8,19	6,18
	+Doanh thu thuần /tổng tài sản	%	45,71	58,87
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh	%		

	Thu Thuần		39,78	33,45
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	25,38	16,07
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	22,00	14,36
	+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	40,18	34,02

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :

a. Cổ phần :

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại : 43.000.000 cổ phiếu, trong đó :
 - + Cổ phiếu phổ thông tự do chuyển đổi : 43.000.000 CP
 - + Cổ phiếu khác : không có
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi ...) : Không có.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 42.124.790 cổ phiếu, trong đó:
 - + Cổ phiếu phổ thông tự do chuyển đổi : 42.124.790 CP
 - + Cổ phiếu khác : không có
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại :
Trong năm Công ty đã mua 875.210 cổ phiếu quỹ.
- Cổ tức : công ty đã chia cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ chia bằng 15% mệnh giá. Tổng số tiền đã chia cổ tức năm 2013 là 63,19 tỷ đồng.

b. Cơ cấu cổ đông :

Tóm lược Danh sách cổ đông chốt ngày 06/12/2013

TT	Loại hình	Cá nhân	Tổ chức	Cộng
1	Cổ đông			
	Trong Nước	788	16	804
	Nước ngoài	66	41	101
	Tổng cộng	854	57	911
2	Cổ phần			
a	Trong Nước	3.001.954	25.232.806	28.234.760
	Tỷ lệ %	7,12	59,90	67,02

	trong đó cổ đông nhà nước		24.000.000	24.000.000
	chiếm tỷ lệ %		56,97	56,97
b	Nước ngoài	129.170	13.760.860	15.771.040
	Tỷ lệ %	0,31	32,67	32,98
	Tổng cộng	3.131.124	38.993.666	42.124.790

Công ty có 03 cổ đông lớn là :

+ Tập Đoàn Công nghiệp cao su Việt nam (cổ đông nhà nước) : chiếm 56,97% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

+ FRANKLIN TEMPLETON INVESTMENT FUNDS-TEMPLETON FRONTIER MARKETS FUND (cổ đông nước ngoài) : chiếm 12,40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

+ ERIKOISSIJOITUSRAHASTO ELITE (MUTUAL FUND ELITE (NON-UCITS)) (cổ đông nước ngoài) : chiếm 05,83% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

III/- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Diện tích vườn cây kinh doanh : 7.502 ha
- Sản lượng khai thác : 16.323 tấn = 108,24% kế hoạch.
- Năng suất đạt 2,25 tấn / ha, năm thứ năm liên tiếp là công ty có năng suất cao nhất trong Tập đoàn CN cao su Việt Nam.

- Sản lượng tiêu thụ: 19.107 tấn

- Trồng tái canh : 362 ha

- Doanh thu : + Kế hoạch năm 2013 : 1.532 tỷ đồng

+ Thực hiện năm 2013 : 1.167,583 tỷ đồng

Doanh thu năm 2013 đạt 76,21 % kế hoạch (kế hoạch chưa điều chỉnh)

- Giá bán bình quân : 52,919 triệu đ/ tấn

- Giá thành bình quân : 37,589 triệu đ/tấn

Mặc dù các chi phí nguyên vật liệu đầu vào đều tăng, nhưng Công ty kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, động viên người lao động tăng năng suất, sản lượng; Vì vậy, năm 2013 Công ty CP cao su Đồng Phú có năng

suất cao nhất và chi phí giá thành sản xuất thấp nhất trong Ngành cao su Việt Nam

- Lợi nhuận trước thuế: + Kế hoạch năm 2013 : 320 tỷ đồng
+ Thực hiện năm 2013 : 398,37 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 124,5 % kế hoạch

(So với kế hoạch chưa được quý cổ đông điều chỉnh thì lợi nhuận trước thuế năm 2013 chỉ đạt 77,35 %)

- Thu nhập bình quân đạt trên 7.200.000 đ/ người / tháng (chỉ đạt 87,8% so với năm 2012, giảm 1.000.000 đ/ người / tháng)

- Phân tích những biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động : Nhìn chung, do chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới nên năm 2013 cũng là một năm khó khăn của kinh tế Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Giá cả cao su trên thị trường thế giới giảm sâu (từ 63 triệu / tấn / năm 2012 xuống còn gần 53 triệu / tấn/ năm 2013), ảnh hưởng đến doanh thu Công ty phải trình xin ý kiến cổ đông để giảm kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, mặc dù sản lượng có vượt kế hoạch. Bên lại, nhờ tăng sản lượng, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nên tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty vượt trên 24% kế hoạch được điều chỉnh và chỉ giảm 22,65% so với kế hoạch từ đầu năm.

*** Những tiến bộ Công ty đã đạt được:**

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý : Công ty thường xuyên tiến hành rà soát lại hệ thống định mức kinh tế – kỹ thuật ở các công đoạn sản xuất, tiến hành thực hiện nghiêm chế độ định biên tại các đơn vị trực thuộc, giải quyết dứt điểm việc sử dụng dư lao động so với định biên. Hoàn thiện công tác giao khoán chi phí, kiểm soát chặt chẽ giá thành sản xuất.

- Kiểm soát chặt chẽ công tác đầu tư xây dựng cơ bản nhằm tiết kiệm vốn và giảm giá thành đầu tư. Chú trọng đầu tư vào lĩnh vực sản xuất chính như : Mở rộng diện tích trồng cao su để tăng quy mô công ty, đầu tư vào lĩnh vực chế biến các sản phẩm tiêu dùng từ nguyên liệu cao su sẵn có của công ty nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận trên một đơn vị diện tích. Ưu tiên đầu tư các công trình trực tiếp phục vụ sản xuất; đối với các công trình khác hạn chế đầu tư, chỉ đầu tư khi thật cần thiết.

2. Tình hình tài chính :

a) Tình hình tài sản :

Báo cáo thường niên 2013

+ Tổng tài sản công ty mẹ đến cuối kỳ : 2.516,942 tỷ đồng, tăng 09,29% so với đầu kỳ.

+ Vốn chủ sở hữu cuối kỳ : 2.250,541 tỷ đồng, tăng so với đầu kỳ là 4,08%.

Vốn và tài sản được sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và không ngừng tăng lên. Không có nợ xấu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	đvt	Số Cuối năm	Số Đầu Năm	Chênh lệch	
				giá trị	%
A. NỢ PHẢI TRẢ	đồng	266.400.296.689	331.520.026.267	-65.119.729.578	-19,06
I Nợ ngắn hạn		241.475.296.689	301.519.026.267	-60.043.729.578	-19,91
II. Nợ dài hạn		24.925.000.000	30.001.000.000	-5.076.000.000	-16,91

Nợ phải trả cuối kỳ giảm 19,06% so với đầu kỳ.

Trong đó nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản: tiền lương chưa chi trả cho người lao động, người bán nộp tiền trước, phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi...

Nợ dài hạn là khoản vay ưu đãi đầu tư vườn cây cao su tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam_Chi nhánh Bình Phước. Không có nợ xấu.

Công ty không có vay vốn bằng ngoại tệ nên không bị ảnh hưởng gì khi thay đổi tỷ giá ngoại tệ. Ngược lại, Công ty là đơn vị xuất khẩu nên sẽ hưởng lợi nếu đồng USD tăng giá.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Trong năm, không có biến động lớn về cơ cấu tổ chức. Những cải tiến chính đó là việc tuyển dụng mới, đề bạt, bố trí, luân chuyển cán bộ quản lý cho phù hợp với các yêu cầu của công tác quản lý Công ty. Đây là công việc được thực hiện thường xuyên. Công ty luôn ưu tiên bố trí cán bộ trẻ, có năng lực, trình độ để đáp ứng các yêu cầu trước mắt và lâu dài cho việc phát triển Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tập trung các nguồn vốn đảm bảo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã triển khai nhằm đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn đầu tư.

- Thực hiện phương án tái cấu trúc hoạt động đầu tư theo hướng : tập trung nguồn lực cho các ngành nghề kinh doanh chính, ngành nghề công ty có lợi thế so sánh. Theo đó xác định ngành kinh doanh chính là: sản xuất cao su, sản phẩm từ mủ cao su, công nghiệp gỗ, đầu tư khu công

nghiệp và dân cư trên đất cao su. Từ đó, có phương án thoái vốn ở các dự án ngoài ngành chính, dự án không hiệu quả. Ngoài ra, tiếp tục tìm kiếm thêm cơ hội đầu tư khi có điều kiện và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Hoàn thiện công tác tổ chức và quản trị tại Công ty mẹ và các công ty con.

- Tăng cường đào tạo và tuyển dụng nhân sự để đáp ứng công tác quản trị của các dự án.

- Thiết lập các nhà máy chế biến mủ cao su RSS nhằm đáp ứng nhu cầu chế biến mủ của các dự án khi đi vào khai thác đồng thời đa dạng hóa sản phẩm để có lợi thế hơn trong tiêu thụ sản phẩm, tối đa hóa lợi nhuận.

- Đẩy mạnh marketing cho sản phẩm nệm, gối từ Công ty CP cao su Kỹ thuật Đồng Phú, tiếp cận các thị trường ngoài nước và có kế hoạch mở rộng quy mô khi có điều kiện thích hợp.

IV/-ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY :

1.Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Mặc dù bị ảnh hưởng lớn của tình trạng suy giảm kinh tế của thế giới dẫn đến sự sụt giảm của giá bán cao su trên thị trường thế giới; ảnh hưởng của biến đổi thời tiết khí hậu nhưng Công ty đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra. Sản lượng tăng khá, năng suất đạt trên 2,25 tấn/ha và giữ vững vị trí dẫn đầu trong Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam là thành tích đáng biểu dương. Lợi nhuận vượt mức kế hoạch và tổng lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt trên 361 tỷ đồng/ vốn điều lệ 430 tỷ trong bối cảnh kinh tế khó khăn của năm 2013 là kết quả kinh doanh khá tốt so với mặt bằng chung.

Vốn và tài sản của các cổ đông được sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và tăng lên qua các năm. Công ty cũng luôn bảo đảm hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Công ty đã cân đối được nguồn đầu tư, bảo đảm hài hòa lợi ích của các cổ đông và có phần phân phối cho người lao động thông qua chính sách tiền lương và việc sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty theo sát các chủ trương tại các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

Ban Tổng Giám đốc thường xuyên xin ý kiến, chủ trương của Hội đồng quản trị Công ty đối với các nội dung quản lý không thuộc thẩm quyền.

Trong thành tích chung của Công ty trong năm 2013 có đóng góp lớn của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

3.Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị :

+ Tiếp tục xây dựng Công ty phát triển bền vững. Tập trung vào ngành nghề chính mà Công ty có thế mạnh là sản xuất cao su và các sản phẩm từ cao su, gỗ cao su.

+ củng cố, ổn định và tiến tới phát triển ở các dự án đã đầu tư. Thực hiện xây dựng các nhà máy khi các dự án cao su đi vào thu hoạch.

+ Tìm kiếm thêm cơ hội đầu tư ở những dự án Công ty có thế mạnh và phải đảm bảo hiệu quả kinh tế.

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu và bộ máy quản lý ở Công ty và các công ty con.

V.QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1.Hội đồng quản trị :

a)Thành viên và cơ cấu của HĐQT

TT	Họ và tên Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/tổng số CP	Thành viên độc lập	Thành viên không điều hành	Chức vụ kiêm nhiệm
1	Đặng Gia Anh Chủ tịch HĐQT	_đại diện sở hữu : 35,81% _sở hữu cá nhân: 0,059%	không	có	_Chủ tịch HĐQT Cty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú _ Chủ tịch HĐQT Cty CP Gỗ Đồng Phú

2	Nguyễn Thanh Hải UV HĐQT	_đại diện sở hữu : 20% _sở hữu cá nhân: 0,006%	không	không	_ Tổng Giám đốc Cty. _ Chủ tịch HĐQT Cty CP Cao su Đồng Phú -Kratie
3	Phạm Văn Hằng UV HĐQT	_đại diện sở hữu : không _sở hữu cá nhân: 0,01%	có	có	_ Ủy viên HĐQT Cty CP Cao su Đồng Nai -Kratie _ Ủy viên HĐQT Cty CP Cao su Tân Biên -Congponghom _ Ủy viên HĐQT Cty CP Cao su Chư Prông -Stungcheng _ Ủy viên HĐQT Cty CP Cao su Thành phố HCM
4	Trần Thị Kim Thanh UV HĐQT	_sở hữu cá nhân: không	có	có	_ Phó Giám đốc Ngân hàng NN &PTNT Chi nhánh Saigon
5	Hồ Cường UV HĐQT	_sở hữu cá nhân: 0,004%	không	không	_ Phó Tổng Giám đốc Cty. _ Ủy viên HĐQT Cty CP Cao su Đồng Phú -Kratie

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT : chưa thành lập.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị :

- Các cuộc họp của HĐQT :

* HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016: (Do Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/04/2012 bầu)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ô.Đặng Gia Anh	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Ô.Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	4/4	100%	
3	Ô.Phạm Văn Luyện	Thành viên	4/4	100%	
4	Ô.Phạm Văn Hằng	Thành viên	4/4	100%	
5	Ô. Hồ Cường	Thành viên	4/4	100%	

- Kết quả các cuộc họp : các nghị quyết đã ra :

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	26/NQ_HĐQT	02/04/2013	<p>_Thông qua các nội dung chuẩn bị trình ĐHĐ Cổ đông thường niên.</p> <p>_Chi tạm ứng cổ tức đợt 2/2012 là 15%.</p> <p>_Công tác cán bộ.</p>
2	59/NQ_HĐQT	17/05/2013	<p>_Thông qua Báo cáo quý I và kế hoạch quý II/2013.</p> <p>_ Chi cổ tức đợt 3/2012 là 10%.</p> <p>_Phân công các thành viên HĐQT, trong đó có 02 thành viên độc lập phụ trách công tác nhân sự và công tác lương, thưởng.</p> <p>_ Cử người đại diện phần vốn tại các công ty con, cty liên kết.</p>
3	82/NQ_HĐQT	24/07/2013	<p>Phương án mua cổ phiếu quỹ.</p> <p>(Nghị quyết này không thực hiện được do Sở GDCK yêu cầu điều chỉnh vì có thời gian mua không phù hợp với quy định)</p>
4	67/NQ_HĐQT	16/08/2013	<p>_Thông qua Báo cáo quý II và kế hoạch quý III/2013.</p> <p>_Tăng vốn góp tại Cty CPCS Đồng Phú-Kratie và Cty CPCS Kỹ thuật</p>

			Đồng Phú _ Thông qua đề án tái cơ cấu Công ty. _ Thông qua phương án mua cổ phiếu quỹ năm 2013.
5	136/NQ_HĐQT	14/11/2013	_ Thông qua Báo cáo quý III và kế hoạch quý IV/2013. _ Thống nhất đề nghị điều chỉnh kế hoạch năm 2013. _ Thông qua Quy chế quản trị Công ty (sửa đổi) và Quy chế tổ chức, hoạt động các đơn vị trực thuộc (sửa đổi). _ Kết quả mua cổ phiếu quỹ 2013. _ Chi tạm ứng cổ tức 2013 là 15%. _ Ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký các hợp đồng vay ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng theo nhu cầu sản xuất kinh doanh. _ Giải quyết các đề nghị đầu tư của các Công ty con.

d)Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập :

Công ty hiện có 02 thành viên HĐQT độc lập là Bà Trần Thị Kim Thanh và Ô. Phạm Văn Hằng. Hoạt động của 02 thành viên độc lập này theo đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và sự phân công, phân nhiệm trong Hội đồng quản trị.

e)Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT : chưa thành lập. Tuy nhiên HĐQT đã phân công 02 thành viên HĐQT độc lập phụ trách lương thưởng và nhân sự.

f)Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị Công ty

1. Đặng Gia Anh
2. Nguyễn Thanh Hải
3. Hồ Cường
4. Phạm Văn Hằng

Riêng Bà Trần Thị Kim Thanh do mới được bầu vào HĐQT từ tháng 04/2013 nên chưa sắp xếp được thời gian tham gia chương trình đào tạo để lấy chứng chỉ.

2. Ban Kiểm soát :

a) Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần/tổng số CP có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Huỳnh Minh Tâm	Cử nhân Kinh tế	0,007 %	Trưởng ban
2	Bùi Thanh Tâm	Cử nhân Tài chính kế toán	Không	Thành viên
3	Trần Vĩnh Tuấn	Kỹ sư nông học	0,002 %	Thành viên

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm, Ban Kiểm soát họp 02 lần để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ trong năm.

Trong thành phần ban Kiểm soát có 02 người là người lao động của Công ty nên có điều kiện tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất kinh doanh và kiểm tra, kiểm soát định kỳ hàng quý, 6 tháng tại Công ty.

Thành viên còn lại là chuyên viên Ban Tài chính – kế toán của Tập Đoàn CN Cao su nên ở góc độ Tập Đoàn cũng đã tham gia trong việc kiểm tra Công ty thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như trong việc tuân thủ pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

a) Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích trong năm 2013:

TT	Họ và tên	Lương & thưởng	Phụ cấp	Cộng	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị				
1	Đặng Gia Anh Chủ tịch HĐQT	657.098.431		657.098.431	
2	Nguyễn Thanh Hải UV kiêm Tổng GD	669.098.431	120.000.000	789.098.431	
3	Trần Thị Kim Thanh UV HĐQT		80.000.000	80.000.000	Từ tháng 05/2013
4	Phạm Văn Hằng UV HĐQT		120.000.000	120.000.000	
5	Hồ Cường, UV HĐQT kiêm Phó TGD	406.267.886	120.000.000	526.267.886	
II	Ban Tổng Giám đốc				
1	Ngô Trường Kỳ Phó Tổng GD	227.773.360		227.773.360	Nghỉ hưu từ 01/08/2013
2	Phạm Văn Luyện Phó Tổng GD	446.631.737	40.000.000	486.631.737	Phụ cấp HĐQT từ tháng 01-tháng 04
III	Ban Kiểm soát				
1	Huỳnh Minh Tâm _TB kiêm Phó Phòng TC-HC	314.094.928	120.000.000	434.094.928	
2	Bùi Thanh Tâm		84.000.000	84.000.000	
3	Trần Vĩnh Tuấn Phó phòng Kỹ thuật	300.006.104	84.000.000	384.006.104	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán,
			Số cổ	Tỷ lệ	Số cổ	Tỷ lệ	

			phiếu	%	phiếu	%	chuyển đổi, thường...)
1	Nguyễn Thanh Hải	TV HĐQT, Tổng Giám Đốc	2.500	0,006	77.500	0,180	Mua thêm
2	Nguyễn Thanh Bình	Kế toán trưởng	2.600	0,006	27.600	0,064	Mua thêm

c) Giao dịch với cổ đông nội bộ:

Các giao dịch phát sinh trong năm với các bên có liên quan:

c.1 Tại ngày 31/12/2013, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam	Công ty mẹ	Bán mủ cao su	2.004.546.942
Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú	Công ty con	Phải trả tiền bồi thường cây trên đất và diện tích đất thanh lý	1.701.839.205
Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie	Công ty con	Phải thu về tiền mượn vốn góp	11.700.000.000

Ghi chú: Các khoản công nợ với các công ty con đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

c.2 Trong năm, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Tiền bán mủ cao su	38.399.601.582
		Đã thu tiền bán mủ cao su	(41.542.481.510)
		Mua hạt đậu giống	460.517.400
		Đã trả tiền mua hạt đậu giống	(460.517.400)
		Đã trả tiền cổ tức đợt 2 năm 2012	(28.000.000.000)
		Đã trả cổ tức năm 2013	(49.300.000.000)
Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắc Nông	Công ty con	Cho vay vốn lưu động	9.480.000.000
		Đã thu tiền cho vay vốn lưu động	(9.480.000.000)
		Tiền lãi cho vay vốn lưu động	180.915.000
		Đã thu tiền lãi cho vay vốn lưu động	(180.915.000)
		Nhượng bán vật tư hóa chất	2.417.378
		Đã thu tiền bán vật tư hóa chất	(2.417.378)
Công ty CP Kỹ thuật Cao su Đồng Phú	Công ty con	Góp vốn điều lệ	16.000.000.000
		Tiền bán mủ cao su	18.132.922.500
		Đã thu tiền bán mủ cao su	(18.132.922.500)
		Tiền bán nước sản xuất	78.587.250

		Đã thu tiền bán nước sản xuất	(78.587.250)
		Cho mượn vốn kinh doanh	11.900.000.000
		Đã thu tiền mượn vốn kinh doanh	(13.235.000.000)
Công ty CP Cao su Đông Phú Kratie	Công ty liên kết	Góp vốn điều lệ	112.000.000.000
		Bán hạt giống cây cao su	1.102.226.400
		Đã thu tiền bán hạt giống cây cao su	(1.102.226.400)
		Cho vay vốn kinh doanh	21.000.000.000
		Đã thu tiền vay vốn kinh doanh	(17.000.000.000)
Công ty CP Gõ Đông Phú	Công ty liên kết	Bán cây cao su thanh lý	21.980.999.973
		Đã thu tiền bán cây cao su thanh lý	(21.980.999.973)
		Đã thu tiền lãi vay	649.666.667
		Đã thu tiền lãi vay	808.169.831
		Đã thu tiền lãi vay	191.830.169
		Cho vay vốn bổ sung kinh doanh	15.000.000.000
		Đã thu tiền vay vốn bổ sung kinh doanh	27.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Công ty liên quan	Góp vốn điều lệ	6.986.550.000
		Góp vốn điều lệ	4.400.000.000
Công ty Cổ Phần Cao su Sa Thầy	Công ty liên quan	Bán cây cao su giống	179.878.500
		Đã thu tiền bán cây cao su giống	(179.878.500)

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện theo đúng các quy định của Thông tư 121/TT-BTC ngày 26/07/2013.

VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

Địa chỉ : Tầng 14, tòa nhà HH3, khu đô thị Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm Hà nội - Việt Nam

Email: ava@kiemtoanava.com.vn

Website : <http://www.kiemtoanava.com.vn>

- Ý kiến kiểm toán độc lập :

« Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cao su Đông Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và

ché độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. »

- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý) : Không có

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 (đã được kiểm toán):

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	7 - 36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 9
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú tên giao dịch quốc tế Dong Phu Rubber Joint Stock Company; tên gọi tắt là DORUCO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được chuyển đổi từ Công ty Cao su Đồng Phú – Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo Quyết định số 3441/QĐ-BNN – ĐMDN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 4403000069 ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 số 3800100376 ngày 04/5/2012 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Trồng cây cao su (Chi tiết: Trồng và chế biến mủ cao su; Thanh lý vườn cây cao su); Chăn nuôi gia cầm; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng nhà các loại (Đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài khu công nghiệp; xây dựng dân dụng, công nghiệp); Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất dùng trong nông nghiệp; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, kinh doanh địa ốc); Trồng rừng và chăm sóc rừng (Trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, khai thác chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ rừng trồng); Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Công nghiệp hóa chất phân bón); Chăn nuôi trâu, bò; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mua bán gỗ cao su); Khai thác gỗ (Khai thác gỗ cao su)/.

Trụ sở chính của Công ty tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 430.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tỷ đồng); Tổng số cổ phần là 43.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần, trong đó:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp
01	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	240.000.000.000	24.000.000	55,81%
02	Cổ đông khác	190.000.000.000	19.000.000	44,19%
	Cộng	430.000.000.000	43.000.000	100%

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013 bao gồm:

Đơn vị	Địa chỉ
1. Văn phòng Công ty	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
2. Nông trường Cao su An Bình	Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
3. Nông trường Cao su Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
4. Nông trường Cao su Tân Thành	Xã Tân Thành, thị xã Đồng xoài, tỉnh Bình Phước
5. Nông trường Cao su Thuận Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
6. Nông trường Cao su Tân Lợi	Xã Tiến Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
7. Nông trường Cao su Tân Hưng	Xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
8. Xí nghiệp Chế biến mủ Thuận Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
9. Xí nghiệp Vật tư Vận tải	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
10. Nhà máy chế biến mủ Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
11. Trung tâm Y tế	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Các công ty con của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Công ty CP Cao su Đồng Phú ĐắkNông	Xã Ea Po, Huyện Cư Jut, Tỉnh ĐắkNông
Công ty CP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie	Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú	Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Công ty liên kết của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Gỗ Đồng Phú	Xã Tân Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 là 368.941.892.534 đồng (Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 là 552.243.518.754 đồng).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông :	Đặng Gia Anh	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên
Bà :	Trần Thị Kim Thanh	Ủy viên
Ông :	Phạm Văn Hằng	Ủy viên
Ông :	Hồ Cường	Ủy viên

Các thành viên Ban Kiểm soát tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông :	Huỳnh Minh Tâm	Trưởng ban kiểm soát
Ông :	Bùi Thanh Tâm	Thành viên
Ông :	Trần Vĩnh Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông :	Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông :	Phạm Văn Luyện	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Hồ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ

Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cũng cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

Tổng Giám đốc

Bình Phước, Ngày 24 tháng 03 năm 2014

Số: 0169/BCKT/TC/NV6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được lập ngày 24/03/2014 từ trang 07 đến trang 36 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



NGUYỄN BẢO TRUNG

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0373 - 2014
- 126 - 1

BÙI ĐỨC VINH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0654 - 2013
- 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, Ngày 25 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính : VND

Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - Tài sản ngắn hạn		1.485.374.511.396	1.517.543.675.695
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		762.152.486.904	646.446.078.825
1. Tiền	V.01	83.427.512.811	104.214.150.000
2. Các khoản tương đương tiền		678.724.974.093	542.231.928.825
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		262.850.874.269	394.278.026.800
1. Đầu tư ngắn hạn	V.02	262.850.874.269	394.278.026.800
2. DP giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130.731.763.251	178.447.371.503
1. Phải thu của khách hàng		29.466.997.652	75.774.056.509
2. Trả trước cho người bán		31.410.702.629	14.412.017.656
5. Các khoản phải thu khác	V.03	69.854.062.970	89.017.959.538
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		0	(756.662.200)
IV. Hàng tồn kho		254.076.670.175	225.022.552.112
1. Hàng tồn kho	V.04	258.875.012.936	229.718.526.696
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.798.342.761)	(4.695.974.584)
V. Tài sản ngắn hạn khác		75.562.716.797	73.349.646.455
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		485.978.197	76.894.433
2. Thuế GTGT được khấu trừ		26.124.863.992	4.829.062.553
3. Thuế và các khoản phải thu khác của Nhà nước	V.05	40.639.790.088	60.847.969.047
4. Tài sản ngắn hạn khác	V.06	8.312.084.520	7.595.720.422
B - Tài sản dài hạn		1.842.877.896.413	1.302.278.108.087
I. Các khoản phải thu dài hạn		0	0
II. Tài sản cố định		1.601.950.214.374	802.526.736.758
1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	641.558.083.687	516.473.998.384
- Nguyên giá		1.010.571.570.833	828.749.552.778
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(369.013.487.146)	(312.275.554.394)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	V.08	65.888.403	14.513.422
- Nguyên giá		77.910.000	69.599.325
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(12.021.597)	(55.085.903)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.09	960.326.242.284	286.038.224.952
III. Bất động sản đầu tư	V.10	48.663.214.692	47.687.459.904
- Nguyên giá		53.197.993.622	49.940.926.779
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.534.778.930)	(2.253.466.875)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		181.517.416.193	447.718.539.967
1. Đầu tư vào công ty con		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.11	28.542.643.002	295.692.942.977
3. Đầu tư dài hạn khác	V.12	173.302.109.090	155.540.887.790
4. DP giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	V.13	(20.327.335.899)	(3.515.290.800)
V. Lợi thế thương mại		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác		10.747.051.154	4.345.371.458
1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	8.840.459.266	4.038.577.710
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		(2.931.013)	6.793.748
3. Tài sản dài hạn khác		1.909.522.901	300.000.000
Tổng cộng tài sản		3.328.252.407.809	2.819.821.783.782

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính : VND

Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - Nợ phải trả		606.599.890.552	543.115.213.093
I. Nợ ngắn hạn		385.836.886.851	363.353.671.307
1. Vay và nợ ngắn hạn	V.15	138.709.104.350	85.076.825.100
2. Phải trả người bán		9.275.225.939	1.873.290.379
3. Người mua trả tiền trước		1.105.359.223	7.020.596.208
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	25.341.271.292	40.293.512.678
5. Phải trả công nhân viên		138.543.690.230	197.110.465.779
6. Chi phí phải trả	V.17	528.034.528	943.265.955
7. Phải trả nội bộ		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.18	37.729.003.722	20.520.369.194
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		34.605.197.567	10.515.346.014
II. Nợ dài hạn		220.763.003.701	179.761.541.786
1. Phải trả dài hạn người bán		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	V.19	80.472.096.201	78.886.240.863
4. Vay và nợ dài hạn	V.20	55.065.412.712	42.001.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		3.194.057.786	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	V.21	82.031.437.002	58.874.300.923
B - Vốn chủ sở hữu		2.298.598.653.757	2.192.484.911.183
I. Vốn chủ sở hữu	V.22	2.298.598.653.757	2.192.484.911.183
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		430.000.000.000	430.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		147.271.822.000	147.271.822.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)		(40.164.299.748)	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		45.688.764.703	34.674.825.230
7. Quỹ đầu tư phát triển		720.715.360.069	623.968.002.252
8. Quỹ dự phòng tài chính		208.935.114.596	160.281.674.932
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		786.151.892.137	796.288.586.769
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		0	0
1. Nguồn kinh phí		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		0	0
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	V.23	423.053.863.500	84.221.659.506
Tổng cộng nguồn vốn		3.328.252.407.809	2.819.821.783.782

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		0	0
2. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		38.866.754.499	63.520.760.560
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.080.946.000	0
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.113.271,67	1.969.792,59
- EURO		205,80	205,56
6. Dự toán chi sự nghiệp, chi dự án		0	0



Người lập biểu
Võ Duy Hường

Bình Phước, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2014



Kế toán trưởng
Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.24	1.105.680.092.369	1.398.083.086.393
2. Các khoản giảm trừ	VI.25	5.558.569.730	7.692.149.307
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.26	1.100.121.522.639	1.390.390.937.086
4. Giá vốn hàng bán	VI.27	675.168.354.175	825.145.338.902
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		424.953.168.464	565.245.598.184
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.28	73.041.826.024	97.994.986.760
7. Chi phí tài chính	VI.29	22.852.458.990	5.317.608.283
- Trong đó: Chi phí lãi vay		12.286.642.760	3.060.181.231
8. Chi phí bán hàng		18.207.769.422	14.438.234.257
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		55.681.753.359	53.754.732.255
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		401.253.012.717	589.730.010.149
11. Thu nhập khác	VI.30	12.025.441.846	15.300.879.542
12. Chi phí khác	VI.31	5.190.098.280	2.654.123.839
13. Lợi nhuận khác		6.835.343.566	12.646.755.703
14. Lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	VI.32	535.929.525	(255.135.342)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		408.624.285.808	602.121.630.510
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.33	37.562.404.073	51.367.692.370
16.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		3.203.782.547	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		367.858.099.188	550.753.938.140
17.1 Lợi ích cổ đông thiểu số	VI.34	(1.083.793.346)	(1.489.580.614)
17.2 Các khoản trừ vào lợi nhuận sau thuế		0	0
17.3 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		368.941.892.534	552.243.518.754
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.35	8.582	12.843

Người lập biểu
Võ Duy Hương

Bình Phước, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng
Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2013

Theo phương pháp trực tiếp

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX kinh doanh		
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	1.164.446.152.643	1.334.233.256.466
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	(153.404.988.028)	(129.195.081.261)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(403.877.045.988)	(459.466.251.391)
04	4. Tiền chi trả lãi	(9.669.092.021)	(4.907.279.363)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.829.450.999)	(95.901.470.958)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	130.676.558.804	141.075.716.392
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	(123.700.859.478)	(403.327.991.927)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	595.641.274.933	382.510.897.958
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	(253.189.310.732)	(150.428.378.216)
22	2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	0	3.382.570.863
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	(641.398.000.000)	(1.000.020.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ DH khác	553.620.015.981	722.172.152.376
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	0	(51.623.333.624)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	0	13.515.565.818
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	71.461.834.243	97.193.531.910
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(269.505.460.508)	(365.807.890.873)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	0	0
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	(40.164.299.748)	0
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	414.967.899.408	43.500.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(417.729.744.346)	(17.499.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	0	0
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(172.258.341.858)	(218.702.607.451)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(215.184.486.544)	(192.701.607.451)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	110.951.327.881	(175.998.600.366)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	646.446.078.825	822.455.959.715
61	Chênh lệch do hợp nhất báo cáo tài chính	3.127.344.630	0
62	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.627.735.568	(11.280.524)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	762.152.486.904	646.446.078.825

Hương

Huy



Người lập biểu
Võ Duy Hương

Bình Phước, Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng
Phạm Ngọc Huy

Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

*Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp.****01. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú được chuyển đổi từ Công ty Cao su Đồng Phú – Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo Quyết định số 3441/QĐ-BNN – ĐMDN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 4403000069 ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 số 3800100376 ngày 04/5/2012 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 430.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tỷ đồng); Tổng số cổ phần là 43.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần, trong đó:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp
01	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	240.000.000.000	24.000.000	55,81%
02	Cổ đông khác	190.000.000.000	19.000.000	44,19%
	Cộng	430.000.000.000	43.000.000	100%

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013 bao gồm:

Đơn vị**Địa chỉ**

1. Văn phòng Công ty	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
2. Nông trường Cao su An Bình	Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
3. Nông trường Cao su Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
4. Nông trường Cao su Tân Thành	Xã Tân Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
5. Nông trường Cao su Thuận Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
6. Nông trường Cao su Tân Lợi	Xã Tiến Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
7. Nông trường Cao su Tân Hưng	Xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
8. Xí nghiệp Chế biến mủ Thuận Phú	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
9. Xí nghiệp Vật tư Vận tải	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
10. Nhà máy chế biến mủ Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
11. Trung tâm Y tế	Xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

02. Công ty con

Công ty con của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông	Xã Ea Po, Huyện Cư Jut, Tỉnh Đăk Nông
Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú	Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie	Xã Thuận Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú	Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

03. Công ty liên kết

Công ty liên kết của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Gỗ Đồng Phú	Xã Tân Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

04. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su (Chi tiết: Trồng và chế biến mủ cao su; Thanh lý vườn cây cao su);
- Chăn nuôi gia cầm;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại (Đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài khu công nghiệp; xây dựng dân dụng, công nghiệp);
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, kinh doanh địa ốc);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (Trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, khai thác chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ rừng trồng);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Công nghiệp hóa chất phân bón);
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mua bán gỗ cao su);
- Khai thác gỗ (Khai thác gỗ cao su).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

01. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính V/v Hướng dẫn sử đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**01. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính: Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính: Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

02. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

Nhóm tài sản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam, đồng thời theo dõi chi tiết ngoại tệ theo từng nguyên tệ và được phản ánh trên tài khoản ngoại bảng.

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay có thời hạn thu hồi trên 3 tháng và dưới một năm.

Việc trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (nếu có) được thực hiện ở thời điểm khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ gồm các khoản phải thu từ khách hàng, trả trước cho người bán, các khoản phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường; Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang; nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (gọi chung là vật tư) để sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị vật tư tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thành phẩm được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

06. Nguyên tắc ghi nhận tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác của Công ty được phản ánh bao gồm chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước, các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn.

07. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Quyết định số 221/QĐ – CSVN ngày 27/04/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam v/v Ban hành điều chỉnh khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tập hợp và theo dõi các khoản chi phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản (bao gồm chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình) và tình hình quyết toán công trình.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được theo dõi chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình và từng khoản mục chi phí cụ thể.

09. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn và ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác. Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty

liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu; các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập riêng cho từng khoản đầu tư của Công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán (trên một năm tài chính). Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng niên độ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí mà lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý. Các khoản chi phí này được theo dõi chi tiết cho từng khoản chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản chi phí phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Việt nam đồng theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động đầu tư được hạch toán và lũy kế đến thời điểm dự án chính thức đi vào hoạt động sẽ được phân bổ vào doanh thu hoặc chi phí theo quy định hiện hành.

Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT – BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính v/v Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

13. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

-
- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các khoản chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:
- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo

nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu là chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư và chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty con.

Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, các quỹ này được quản lý và sử dụng theo quy định của nhà nước và điều lệ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.... Các khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất**a. Cơ sở số liệu hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được hợp nhất dựa trên các Báo cáo tài chính sau :

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty con - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đăk Nông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty con - Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty con - Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty liên con - Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Báo cáo các Công ty liên kết khi hợp nhất được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu; Cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty liên kết – Công ty Cổ phần Gỗ Đồng Phú đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Danh sách thông tin về các đơn vị được hợp nhất**Công ty mẹ****Đơn vị**

Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú

Nội dung thông tin

Trụ sở: Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Công ty Cổ phần, Nhà nước giữ 55,81 %
cổ phần

Các Công ty con

Đơn vị

01. Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Đắk Nông

Nội dung thông tin

Địa chỉ: Huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông
Hoạt động kinh doanh chính: Trồng, khai
Thác và chế biến cao su.
Tỷ lệ lợi ích: 88,41 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 92 %

02. Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú

Địa chỉ: Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
Hoạt động kinh doanh chính: Bất động sản
Tỷ lệ lợi ích: 50,97 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 51 %

03. Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú

Địa chỉ: Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất sản
phẩm từ cao su
Tỷ lệ lợi ích: 74,57 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 74,57 %

04. Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Kratie

Địa chỉ: Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước
Hoạt động kinh doanh chính: Trồng, khai
thác cao su
Tỷ lệ lợi ích: 54,09 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 54,09 %

Công ty liên kết

Đơn vị

01. Công ty Cổ phần Gỗ Cao su Đồng Phú

Nội dung thông tin

Địa chỉ: Xã Tân Thành, Thị xã Đồng Xoài,
Tỉnh Bình Phước
Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất các
sản phẩm từ gỗ rừng trồng
Tỷ lệ lợi ích: 40 %
Quyền biểu quyết Công ty mẹ: 40 %

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Đơn vị tính : VND

01. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	2.679.421.937	1.244.245.441
Tiền gửi ngân hàng	80.748.090.874	102.969.904.559
Tiền đang chuyển	0	0
Cộng	83.427.512.811	104.214.150.000

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
a. Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
b. Đầu tư ngắn hạn khác, trong đó:	262.850.874.269	394.278.026.800
- Tiền gửi có kỳ hạn	254.100.737.436	342.278.026.800
- Cho vay ngắn hạn	8.750.136.833	52.000.000.000
Cộng	262.850.874.269	394.278.026.800

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn	14.950.886.432	15.183.869.010
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	12.655.968.920	26.657.936.242
Phải thu Công ty Đồng Phú Karatie	0	29.700.000.000
Trồng Cao su Quỹ xóa đói giảm nghèo tỉnh Bình Phước	14.062.041.084	10.380.772.156
Phải thu Dự án trồng Cao su Công An huyện Đồng Phú	4.213.661.300	2.973.661.300
Phải thu bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Phước	4.000.000.000	0
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	0	1.135.000.000
Phải thu ứng bồi thường đất	1.192.194.500	1.164.063.250
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đông Bắc	17.192.592.000	0
Phải thu khác	1.586.718.734	1.822.657.580
Cộng	69.854.062.970	89.017.959.538

04. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	19.706.771.428	4.919.709.633
Công cụ, dụng cụ	2.316.576.232	473.874.607
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	153.489.248.855	144.149.216.775
Thành phẩm	81.711.103.712	69.294.462.744
Hàng gửi bán	1.651.312.709	10.881.262.937
Cộng giá gốc hàng tồn kho	258.875.012.936	229.718.526.696

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả là: 0 đồng
- Giá trị trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 102.368.177 đồng. Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 0 đồng.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31/12/2013 là 254.076.670.175 đồng.

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	8.198.258	7.801.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	26.695.985.210	54.533.409.511
Thuế thu nhập cá nhân	9.263.162.500	1.886.725.665
Tiền thuế đất	4.672.444.120	4.420.031.873
Cộng	40.639.790.088	60.847.969.047

06. Tài sản ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	0	0
Tạm ứng	8.312.084.520	7.595.720.422
Cộng	8.312.084.520	7.595.720.422

07 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Chi tiết xem Phụ lục 1 kèm theo)

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	45.799.325	23.800.000	69.599.325
- Mua trong năm	77.910.000	0	77.910.000
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	(45.799.325)	(23.800.000)	(69.599.325)
Số dư cuối năm	77.910.000	0	77.910.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	31.285.907	23.799.996	55.085.903
- Khấu hao trong năm	14.213.208	4	14.213.212
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	(33.477.518)	(23.800.000)	(57.277.518)
Số dư cuối năm	12.021.597	0	12.021.597
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
- Tại ngày đầu năm	14.513.418	4	14.513.422
- Tại ngày cuối năm	65.888.403	0	65.888.403

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Cuối năm	Đầu năm
Các công trình nông nghiệp	121.001.875.278	208.112.351.966
<i>Xây dựng công trình giao thông</i>	<i>4.275.271.796</i>	<i>1.197.288.472</i>
<i>Xây dựng Công trình điện nước</i>	<i>714.938.667</i>	<i>14.704.356</i>
<i>Xây dựng công trình kiến trúc</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Kiến thiết cơ bản khác</i>	<i>5.372.618.942</i>	<i>69.975.882.432</i>
Dự án trồng mới Cao Su Nông trường Tân Hưng	0	14.527.127.282
Dự án khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	35.699.031.094	11.542.617.237
Chi phí đầu tư tại Cao su Đồng Phú - Đăk Nông	126.243.753.496	34.550.971.790

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp)	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí đầu tư tại Công ty CP Cao su Đồng Phú - Kratie	655.716.549.543	0
Chi phí đầu tư tại Công ty CP Kỹ thuật Cao su Đồng Phú	7.851.055.835	9.190.296.428
Chi phí khác	0	164.869.695
Lãi Vay đầu tư dự án Cao su	3.156.147.633	6.737.997.726
Chi phí hệ thống thiết bị	295.000.000	0
Cộng	960.326.242.284	286.038.224.952

10. Bất động sản đầu tư Là giá trị hạ tầng khu công nghiệp của Công ty con - Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú đã xây dựng hoàn thành và đã cho khách hàng thuê.

11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Gỗ Đồng Phú	17.134.512.999	16.354.394.570
Công ty TNHH Đầu tư D.P	11.408.130.003	0
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Karatie	0	279.338.548.407
Cộng	28.542.643.002	295.692.942.977

12. Đầu tư dài hạn khác	Năm nay	Năm trước
a. Đầu tư cổ phiếu (*)	8.084.066.000	8.084.066.000
b. Góp vốn đầu tư	148.933.831.590	137.547.281.590
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Cao su	23.000.000.000	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Thể Thao Cao su Phú Riêng	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy	40.000.000.000	35.600.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	15.542.750.000	8.556.200.000
Công ty TNHH Đầu tư Cơ sở Hạ tầng VRG	43.493.072.157	43.493.072.157
Khu Tái Định cư Phước Vĩnh	3.005.188.988	3.005.188.988
Trạm trộn bê tông	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Cao su Hàm Rồng	11.942.820.445	11.942.820.445
Công ty CP Kinh doanh BOT đường ĐT 741	10.000.000.000	10.000.000.000
c. Đầu tư trái phiếu	0	0
d. Trái phiếu kho bạc	0	0
e. Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	16.284.211.500	9.909.540.200
Cộng	173.302.109.090	155.540.887.790

Ghi chú: (*) Chi tiết đầu tư cổ phiếu

<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
Cổ phiếu Công ty CP Chế biến Gỗ Thuận An	502.941	7.136.466.000	502.941	7.136.466.000
Cổ phiếu Công ty CP Khu Công nghiệp Hồ Nai	9.200	947.600.000	9.200	947.600.000
Cộng		8.084.066.000		8.084.066.000

13. Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	(1.553.820.900)	(3.515.290.800)
Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	(18.773.514.999)	0
Cộng	(20.327.335.899)	(3.515.290.800)

Chi tiết dự phòng đầu tư chứng khoán tại ngày 31/12/2012 như sau :

<i>Công ty</i>	<i>Số lượng Cổ phiếu</i>	<i>Giá trị trên sổ kế toán tại ngày 31/12/2013</i>	<i>Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2013</i>	<i>Giá trị dự phòng</i>
Công ty CP Chế biến Gỗ Thuận An	502.941	7.136.466.000	5.582.645.100	(1.553.820.900)
Cộng		7.136.466.000	5.582.645.100	(1.553.820.900)

Ghi chú:

(*) Giá thị trường Công ty trích lập dự phòng là giá đóng cửa ngày 31/12/2013 tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

(**) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su được thực hiện theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

14. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí môi giới cho thuê hạ tầng	3.200.821.730	1.768.397.306
Chi phí khác	2.896.924.568	273.782.567
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.742.712.968	1.996.397.837
Cộng	8.840.459.266	4.038.577.710

15. Vay và nợ ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn	120.233.104.350	68.000.825.100
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	18.476.000.000	17.076.000.000
Cộng	138.709.104.350	85.076.825.100

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT	2.086.031.002	6.438.550.101
Thuế nhà thầu giữ lại 15%	32.983.845	0
Thuế xuất nhập khẩu	0	493.546.219
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	233.708
Thuế thu nhập cá nhân	190.242.695	60.086.900
Thuế chuyển quyền sử dụng đất	23.032.013.750	33.301.095.750
Cộng	25.341.271.292	40.293.512.678

Thuế Giá trị gia tăng

Công ty mẹ, Công ty con và các Công ty liên kết áp dụng luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác

Công ty mẹ, Công ty con và các Công ty liên kết áp dụng các loại sắc thuế về thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác như thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân.. theo đúng quy định hiện hành.

Ghi chú: Các báo cáo thuế của Công ty mẹ, các Công ty con và các Công ty liên kết sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	81.000.000	496.000.000
Chi phí bảo hiểm xuất khẩu	74.403.538	0
Trích trước chi phí lãi vay	237.367.354	224.460.399
Chi phí phải trả khác	135.263.636	222.805.556
Cộng	528.034.528	943.265.955

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.122.596.063	8.058.831.880
Bảo hiểm xã hội	0	800.000.000
Phải trả công ty mua bán nợ về thanh lý vườn cây	4.071.198.540	4.071.198.540
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	2.878.511.396	296.362.500
Phải trả Quỹ bảo hiểm xuất khẩu cao su	403.797.355	668.785.914
Phải trả tiền mua đất tái định cư	1.599.945.000	1.599.945.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đông Bắc	13.000.000.000	0
Phải trả về thu mua mủ cao su tiêu điện tại các nông trường	6.201.983.642	2.326.633.208
Phải trả khác	7.450.971.726	2.698.612.152
Cộng	37.729.003.722	20.520.369.194

19. Phải trả dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả về thu tiền góp vốn đầu tư Khu dân cư	80.154.337.904	78.568.482.566
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	317.758.297	317.758.297
Cộng	80.472.096.201	78.886.240.863

20. Vay và nợ dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
1. Vay dài hạn	55.065.412.712	42.001.000.000
- Vay ngân hàng	55.065.412.712	42.001.000.000
2. Nợ dài hạn	0	0
Cộng	55.065.412.712	42.001.000.000

21. Doanh thu chưa thực hiện	Cuối năm	Đầu năm
Doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	68.195.998.936	58.340.855.908
Doanh thu bán đệm	13.835.438.066	0
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa phân bổ	0	533.445.015
Cộng	82.031.437.002	58.874.300.923

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (chi tiết xem Phụ lục 02)

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối năm	Đầu năm
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	240.000.000.000	240.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	8.752.100.000	0
Cổ đông khác	181.247.900.000	190.000.000.000
Cộng	430.000.000.000	430.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	430.000.000.000	430.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	430.000.000.000	430.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	172.000.000.000	215.000.000.000

d- Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.000.000	43.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.000.000	43.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>43.000.000</i>	<i>43.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
- Số lượng Cổ phiếu được Mua lại	875.210	0
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>875.210</i>	<i>0</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	42.124.790	43.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>42.124.790</i>	<i>43.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>0</i>	<i>0</i>

* *Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ/ cổ phiếu*

23. Lợi ích của cổ đông thiểu số	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cổ đông thiểu số	388.041.000.000	84.750.989.000
Lợi ích khác của cổ đông thiểu số	35.012.863.500	(529.329.494)
Cộng	423.053.863.500	84.221.659.506

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính : VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
24. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó		
Doanh thu mở khai thác	831.296.302.352	1.022.259.629.360
Doanh thu thu mua tiêu điện	144.675.091.982	193.405.187.864
Doanh thu bán đệm cao su và các sản phẩm khác	34.249.843.716	18.551.981.971
Doanh thu cung cấp dịch vụ chế biến	9.881.489.280	9.823.869.520
Doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	3.184.344.746	1.753.038.938
Doanh thu khác	82.393.020.293	152.289.378.740
Cộng	<u>1.105.680.092.369</u>	<u>1.398.083.086.393</u>
25. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Trong đó:		
Chiết Khấu thương mại	0	0
Thuế xuất khẩu	5.558.569.730	7.692.149.307
Cộng	<u>5.558.569.730</u>	<u>7.692.149.307</u>
26. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu mở khai thác	825.737.732.622	1.028.007.323.053
Doanh thu thu mua tiêu điện	144.675.091.982	193.405.187.864
Giá vốn sản xuất đệm cao su và các sản phẩm khác	34.249.843.716	18.551.981.971
Doanh thu cung cấp dịch vụ chế biến	9.881.489.280	9.823.869.520
Doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	3.184.344.746	1.753.038.938
Doanh thu khác	82.393.020.293	138.849.535.740
Cộng	<u>1.100.121.522.639</u>	<u>1.390.390.937.086</u>
27. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn mở khai thác	479.535.947.408	584.209.244.215
Giá vốn mở thu mua tiêu điện	143.242.371.604	192.407.142.950
Giá vốn cung cấp dịch vụ chế biến	6.306.835.039	6.082.910.165
Giá vốn cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	2.520.059.113	1.754.796.463
Giá vốn của đệm cao su và các sản phẩm khác	28.481.319.646	21.729.627.806
Giá vốn khác	13.673.266.746	16.400.492.676
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	1.306.186.442	1.219.834.328
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	102.368.177	1.341.290.299
Cộng	<u>675.168.354.175</u>	<u>825.145.338.902</u>

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
28. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	67.606.092.656	94.740.249.160
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.814.535	0
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.934.765.658	1.844.646.900
Lãi bán ngoại tệ	917.002.054	87.780.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.572.151.121	1.322.310.700
Cộng	<u>73.041.826.024</u>	<u>97.994.986.760</u>
29. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	12.286.642.760	3.060.181.231
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	282.018.308	2.775.266.570
Lỗ do bán ngoại tệ	271.491.255	251.785.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	10.012.306.667	(769.624.518)
Cộng	<u>22.852.458.990</u>	<u>5.317.608.283</u>
30. Thu nhập khác		
Thu bán nước sinh hoạt	1.031.212.857	930.477.619
Bất lợi thương mại khi hợp nhất kinh doanh	0	4.305.000.000
Thu nhập từ sản phẩm phụ thu hồi	0	1.511.916.576
Thu nhập từ chăn nuôi	490.272.997	616.016.000
Thu nhập khác	10.503.955.992	7.937.469.347
Cộng	<u>12.025.441.846</u>	<u>15.300.879.542</u>
31. Chi phí khác		
Chi phí nước sinh hoạt	1.002.657.312	918.934.893
Chi phí chăn nuôi	490.272.997	580.016.000
Chi phí khác	3.697.167.971	1.155.172.946
Cộng	<u>5.190.098.280</u>	<u>2.654.123.839</u>
32. Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		
Công ty Cổ phần Gỗ Đồng Phú	535.929.525	81.141.481
Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Karatie	0	(336.276.823)
Cộng	<u>535.929.525</u>	<u>(255.135.342)</u>
33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Thuế TNDN phải nộp ở Công ty mẹ	36.807.835.194	50.437.866.781
Thuế TNDN phải nộp ở các Công ty con	754.568.879	929.825.589
Cộng	<u>37.562.404.073</u>	<u>51.367.692.370</u>

34. Lợi ích của cổ đông thiểu số	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	1.085.515.799	792.032.405
Công ty CP Kỹ thuật Cao su Đồng Phú	(743.734.878)	(2.286.020.331)
Công ty CP Cao su Đồng Phú - Kratie	(1.425.574.268)	0
Công ty CP Cao su Đồng Phú - Đăk nông	0	4.407.312
Cộng	(1.083.793.346)	(1.489.580.614)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	368.941.892.534	552.243.518.754
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	42.992.252	43.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.582	12.843

V. Thông tin khác.

01. Giao dịch với các bên liên quan: Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

a. Giao dịch với các thành viên chủ chốt

Thù lao hội đồng quản trị	Năm nay	Năm trước
Số còn phải trả đầu năm	456.000.000	0
Số phải trả trong năm	912.000.000	1.302.400.000
Số đã trả trong năm	1.287.000.000	846.400.000
Số còn phải trả cuối năm	81.000.000	456.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN	2.664.140.785	2.808.366.841
Tiền thưởng	0	384.000.000
Cộng	2.664.140.785	3.192.366.841

b. Các bên liên quan :

b.1 Tại ngày 31/12/2013, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Tên gọi	Quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam	Công ty mẹ	Bán mủ cao su	2.004.546.942
Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú	Công ty con	Phải trả tiền bồi thường cây trên đất và diện tích đất thanh lý	1.701.839.205
Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie	Công ty con	Phải thu về tiền mượn vốn góp	11.700.000.000

Ghi chú: Các khoản công nợ với các công ty con đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

b.2 Trong năm, Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

<i>Tên gọi</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Tiền bán mủ cao su	38.399.601.582
		Đã thu tiền bán mủ cao su	(41.542.481.510)
		Mua hạt đậu giống	460.517.400
		Đã trả tiền mua hạt đậu giống	(460.517.400)
		Đã trả tiền cổ tức đợt 2 năm 2012	(28.000.000.000)
		Đã trả cổ tức năm 2013	(49.300.000.000)
Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắc Nông	Công ty con	Cho vay vốn lưu động	9.480.000.000
		Đã thu tiền cho vay vốn lưu động	(9.480.000.000)
		Tiền lãi cho vay vốn lưu động	180.915.000
		Đã thu tiền lãi cho vay vốn lưu động	(180.915.000)
		Nhượng bán vật tư hóa chất	2.417.378
		Đã thu tiền bán vật tư hóa chất	(2.417.378)
Công ty CP Kỹ thuật Cao su Đồng Phú	Công ty con	Góp vốn điều lệ	16.000.000.000
		Tiền bán mủ cao su	18.132.922.500
		Đã thu tiền bán mủ cao su	(18.132.922.500)
		Tiền bán nước sản xuất	78.587.250
		Đã thu tiền bán nước sản xuất	(78.587.250)
		Cho mượn vốn kinh doanh	11.900.000.000
		Đã thu tiền mượn vốn kinh doanh	(13.235.000.000)
Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie	Công ty liên kết	Góp vốn điều lệ	112.000.000.000
		Bán hạt giống cây cao su	1.102.226.400
		Đã thu tiền bán hạt giống cây cao su	(1.102.226.400)
		Cho vay vốn kinh doanh	21.000.000.000
		Đã thu tiền vay vốn kinh doanh	(17.000.000.000)
Công ty CP Gỗ Đồng Phú	Công ty liên kết	Bán cây cao su thanh lý	21.980.999.973
		Đã thu tiền bán cây cao su thanh lý	(21.980.999.973)
		Đã thu tiền lãi vay	649.666.667
		Đã thu tiền lãi vay	808.169.831
		Đã thu tiền lãi vay	191.830.169
		Cho vay vốn bổ sung kinh doanh	15.000.000.000
		Đã thu tiền vay vốn bổ sung kinh doanh	27.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Công ty liên quan	Góp vốn điều lệ	6.986.550.000
Công ty Cổ Phần Cao su Sa Thầy	Công ty liên quan	Góp vốn điều lệ	4.400.000.000
		Bán cây cao su giống	179.878.500
		Đã thu tiền bán cây cao su giống	(179.878.500)

02. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Giá trị sổ sách</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
A. Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	762.152.486.904	646.446.078.825	762.152.486.904	646.446.078.825
TS tài chính sẵn sàng để bán	464.695.626.361	845.511.857.567	444.368.290.462	841.996.566.767
Đầu tư tài chính ngắn hạn	262.850.874.269	394.278.026.800	262.850.874.269	394.278.026.800
Đầu tư tài chính dài hạn	201.844.752.092	451.233.830.767	181.517.416.193	447.718.539.967
Phải thu khách hàng	29.466.997.652	75.774.056.509	29.466.997.652	75.774.056.509
Các khoản phải thu khác	69.854.062.970	89.017.959.538	69.854.062.970	88.261.297.338
Cộng	1.326.169.173.887	1.656.749.952.439	1.305.841.837.988	1.652.477.999.439
B. Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	193.774.517.062	127.077.825.100	193.774.517.062	127.077.825.100
Phải trả cho người bán	9.275.225.939	1.873.290.379	9.275.225.939	1.873.290.379
Phải trả cho người lao động	138.543.690.230	197.110.465.779	138.543.690.230	197.110.465.779
Chi phí phải trả	528.034.528	943.265.955	528.034.528	943.265.955
Các khoản phải trả khác	118.201.099.923	99.406.610.057	118.201.099.923	99.406.610.057
Cộng	460.322.567.682	426.411.457.270	460.322.567.682	426.411.457.270

Công ty đã xem xét tới việc đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tuy nhiên, Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành khác có liên quan chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Theo đó, Công ty không thấy có sự khác biệt giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính ngoại trừ giá trị dự phòng đã trích lập như đã trình bày ở các thuyết minh có liên quan.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủ ro thanh khoản

Rủ ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Từ 01 năm trở xuống</i>	<i>Trên 1 năm đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
Số đầu năm				
Vay và nợ	69.981.782.388	52.020.042.712	5.076.000.000	127.077.825.100
Phải trả cho người bán	1.873.290.379	0	0	1.873.290.379
Phải trả người lao động	197.110.465.779	0	0	197.110.465.779
Chi phí phải trả	943.265.955	0	0	943.265.955
Các khoản phải trả khác	20.520.369.194	78.886.240.863	0	99.406.610.057
Cộng	290.429.173.695	130.906.283.575	5.076.000.000	426.411.457.270
Số cuối năm				
Vay và nợ	153.804.147.062	29.225.000.000	10.745.370.000	193.774.517.062
Phải trả cho người bán	9.275.225.939	0	0	9.275.225.939
Phải trả người lao động	138.543.690.230	0	0	138.543.690.230
Chi phí phải trả	528.034.528	0	0	528.034.528
Các khoản phải trả khác	37.729.003.722	80.472.096.201	0	118.201.099.923
Cộng	339.880.101.481	109.697.096.201	10.745.370.000	460.322.567.682

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủ ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị trường ngoài thay thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

06. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

07. Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

08. Số liệu so sánh.

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam) và đã được thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu đầu năm theo Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước ngày 09/01/2014, theo đó những sai sót của Công ty đã được Công ty điều chỉnh; cụ thể như sau:

<i>Khoản mục báo cáo</i>	<i>Ảnh hưởng của sai sót đến Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2013</i>	<i>Ghi chú</i>
Phải thu khách hàng	379.946.280	(1)
Các khoản phải thu khác	385.875.844	(2)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	324.283.800	(3)
Hàng tồn kho	(821.173.110)	(4)
Tài sản cố định hữu hình	(815.752.447)	
- Nguyên giá	(1.674.641.356)	(5)
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	858.888.909	(6)
Chi phí trả trước dài hạn	104.545.455	(7)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	(442.274.178)	
Người mua trả tiền trước	(13.759.483.000)	(8)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	926.429.568	(9)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(103.714.638)	(10)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.494.493.892	(11)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	(442.274.178)	

(1) Phải thu khách hàng tăng 379.946.280 đồng là do hạch toán tăng phải thu Công ty TNHH MTV XD Bình Phước tiền hợp tác khai thác;

(2) Các khoản phải thu khác tăng 385.875.844 đồng là do điều chỉnh tăng phải tiền do đất và tiền thuê đất các hộ nhận khoán từ 2004 đến 2012 số tiền 354.902.710 đồng và tăng phải thu tiền thuê đất các hộ nhận khoán năm 2012 số tiền 30.973.134 đồng;

(3) Dự phòng phải thu khó đòi giảm 324.283.800 đồng là do giảm dự phòng đã trích lập của Công ty Nguyên Đức;

(4) Hàng tồn kho giảm 821.173.110 đồng là do xác định lại chi phí dở dang của cây giống;

(5) Nguyên giá tài sản cố định giảm 1.674.641.356 đồng là do hạch toán giảm nguyên giá cây cao su đã thanh lý;

- (6) Giá trị hao mòn lũy kế giảm 858.888.909 đồng là do hạch toán giảm giá trị hao mòn lũy kế vườn cây cao su đã thanh lý;
- (7) Chi phí trả trước dài hạn tăng 104.545.455 đồng là do phân bổ giấy phép xả nước chưa đúng
- (8) Người mua trả tiền trước giảm 13.759.483.000 đồng là do tăng thu nhập từ bán vườn cây cao su 13.439.843.000 đồng, hạch toán tiền phạt chậm thực hiện hợp đồng mua cây cao su 225.000.000 đồng và tiền đền bù của Công ty Gỗ Nông nghiệp chưa hạch toán thu nhập 94.640.000 đồng;
- (9) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng 926.429.568 đồng là do hạch toán tăng thuế TNDN phải nộp với số tiền 908.336.888 và tăng thuế GTGT phải nộp là 18.092.680 đồng;
- (10) Quỹ khen thưởng phúc lợi giảm 103.714.638 đồng là do điều chỉnh hao mòn tài sản cố định năm 2012 đầu tư bằng quỹ phúc lợi;
- (11) Lợi nhuận chưa phân phối tăng 12.494.493.892 đồng là do xác định lại kết quả kinh doanh.

<i>Khoản mục báo cáo</i>	<i>Ảnh hưởng của sai sót đến các chỉ ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	<i>Ghi chú</i>
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	63.520.760.560	(12)

- (12) Tăng 63.520.760.560 đồng do Công ty chưa trình bày số lượng mù cao su khách hàng gửi tại kho.

<i>Khoản mục báo cáo</i>	<i>Ảnh hưởng của sai sót đến Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm trước</i>	<i>Ghi chú</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.439.843.000	(13)
Giá vốn hàng bán	1.501.406.968	(14)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(427.998.438)	(15)
Thu nhập khác	1.036.396.310	(16)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	908.336.888	(17)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.494.493.892	(18)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	291	(19)

- (13) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 13.439.843.000 đồng là do hạch toán tăng thu nhập từ bán thanh lý cây cao su;
- (14) Giá vốn hàng bán tăng 1.501.406.968 đồng là do hạch toán chi phí dở dang cây giống vào chi phí 821.173.110 đồng và hạch toán giá trị còn lại của cây cao su thanh lý vào giá vốn số tiền 1.120.174.462 đồng; đồng thời hạch toán giảm giá vốn hàng bán do phân bổ giấy phép xả nước chưa đúng số tiền 104.545.455 đồng, giảm chi phí phải thu tiền thuế đất các hộ nhận khoán 30.973.134 đồng, giảm giá vốn tăng tài sản **cố định** Chi phí tư vấn mời **thầu** HTXL nước thải nhà máy tân lập chưa tăng tài sản cố định 52.422.015 đồng, giảm chi phí cải tạo 14 xe tải thành xe chuyên dùng chưa tăng tài sản cố định 252.000.000 đồng;
- (15) Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 427.998.438 đồng là do điều chỉnh hao mòn tài sản cố định năm 2012 bằng quỹ phúc lợi 103.714.638 đồng và do giảm trích lập dự phòng phải thu Công ty Nguyên Đức số tiền 324.283.800 đồng;
- (16) Thu nhập khác tăng 1.036.396.310 đồng là do hạch toán bổ sung tiền phạt chậm thực hiện hợp đồng mua cây cao su thanh lý 225.000.000 đồng, tiền đền bù Gỗ Công ty Nông nghiệp 94.640.000 đồng và tiền đo đất và tiền thu đất các hộ nhận khoán 2004 -2011 là 354.902.710 đồng, tiền hợp tác khai thác 361.853.600 đồng;
- (17) Thuế thu nhập hiện hành tăng 908.336.888 đồng là do xác định lại thu nhập tính thuế phải nộp trong năm;
- (18) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 12.494.493.892 đồng là do xác định lại kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- (19) Lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng 291 là do lợi nhuận sau thuế tăng.

09. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài

chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 24/3/2014



Người lập biểu
Võ Duy Hương

Bình Phước, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2014



Kế toán trưởng
Phạm Ngọc Huy



Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Hải

Phụ lục số 01

THUYẾT MINH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

<i>Khoản mục</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Vườn cây cao su</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	218.863.261.912	162.849.687.849	50.952.408.858	7.449.079.215	388.635.114.944	828.749.552.778
Tăng do hợp nhất công ty con	76.071.446.307	7.122.912.173	7.734.951.626	567.785.662	0	91.497.095.768
Mua trong năm	0	778.648.297	2.940.874.582	1.026.911.800	0	4.746.434.679
Đầu tư XDCB hoàn thành	34.394.743.359	6.418.403.820	102.346.510	0	61.446.446.920	102.361.940.609
Tăng khác	194.895.218	0	11.720.898.544	136.345.724	0	12.052.139.486
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	1.330.559.573	107.337.307	86.009.186	5.079.956	0	1.528.986.022
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	(12.689.299.908)	(12.689.299.908)
Giảm khác	(11.447.554.223)	(4.156.568.824)	(203.393.016)	(1.867.762.538)	0	(17.675.278.601)
Số dư cuối năm	319.407.352.146	173.120.420.622	73.334.096.290	7.317.439.819	437.392.261.956	1.010.571.570.833
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	97.718.282.736	63.219.377.521	26.533.420.234	4.675.070.557	120.129.403.346	312.275.554.394
Tăng do hợp nhất công ty con	7.122.324.496	3.555.292.287	3.819.890.195	446.842.666	0	14.944.349.644
Khấu hao trong năm	20.384.591.425	10.136.097.232	7.466.928.579	806.726.044	13.611.383.047	52.405.726.327
Tăng khác	116.168.103	0	2.121.080.700	0	0	2.237.248.803
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	152.612.817	58.032.602	58.560.149	4.161.579	0	273.367.147
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	(6.517.340.776)	(6.517.340.776)
Giảm khác	(3.911.928.769)	(1.166.721.301)	(150.073.855)	(1.376.694.468)	0	(6.605.418.393)
Số dư cuối năm	121.582.050.808	75.802.078.341	39.849.806.002	4.556.106.378	127.223.445.617	369.013.487.146
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	121.144.979.176	99.630.310.328	24.418.988.624	2.774.008.658	268.505.711.598	516.473.998.384
Tại ngày cuối năm	197.825.301.338	97.318.342.281	33.484.290.288	2.761.333.441	310.168.816.339	641.558.083.687

Phụ lục số 02

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

<i>Chi tiêu</i>	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Cộng</i>
Số dư đầu năm trước	430.000.000.000	147.271.822.000	0	34.450.706.994	470.794.211.646	84.778.288.141	742.817.744.481	1.910.112.773.262
Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	153.521.013.009	75.557.635.593	0	229.078.648.602
Tăng do hoàn nhập	0	0	0	244.379.442	0	0	0	244.379.442
Tăng, giảm do hợp nhất	0	0	0	513.219.444	(347.222.403)	(54.248.802)	(2.848.078.994)	(2.736.330.755)
Lãi từ kết quả kinh doanh	0	0	0	0	0	0	552.243.518.754	552.243.518.754
Giảm do điều chỉnh	0	0	0	(533.480.650)	0	0	0	(533.480.650)
Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	(495.924.597.472)	(495.924.597.472)
Số dư cuối năm trước	430.000.000.000	147.271.822.000	0	34.674.825.230	623.968.002.252	160.281.674.932	796.288.586.769	2.192.484.911.183
Số dư đầu năm nay	430.000.000.000	147.271.822.000	0	34.674.825.230	623.968.002.252	160.281.674.932	796.288.586.769	2.192.484.911.183
Lãi trong năm	0	0	0	0	0	0	368.941.892.534	368.941.892.534
Tăng, giảm do hợp nhất	0	0	0	(2.626.858.597)	289.077.336	81.438.689	1.675.543.251	(580.799.321)
Mua lại cổ phiếu quỹ	0	0	(40.164.299.748)	0	0	0	0	(40.164.299.748)
Do phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	96.458.280.481	48.572.000.975	(2.804.865.755)	142.225.415.701
Điều chỉnh của năm trước	0	0	0	0	0	0	(2.257.234.933)	(2.257.234.933)
Trích quỹ DPTC	0	0	0	0	0	0	(48.661.369.333)	(48.661.369.333)
Trích quỹ ĐTPT	0	0	0	0	0	0	(96.637.017.197)	(96.637.017.197)
Trả cổ tức	0	0	0	0	0	0	(172.000.000.000)	(172.000.000.000)
Trích quỹ KT, PL	0	0	0	0	0	0	(58.393.643.199)	(58.393.643.199)

Phát sinh trong kỳ	0	0	0	(76.015.437)	0	0	0	(76.015.437)
Do chuyển đổi báo cáo	0	0	0	13.716.813.507	0	0	0	13.716.813.507
Số dư cuối năm nay	430.000.000.000	147.271.822.000	(40.164.299.748)	45.688.764.703	720.715.360.069	208.935.114.596	786.151.892.137	2.298.598.653.757

Có thể xem và download toàn bộ báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty tại website : <http://doruco.com.vn>.

Đại diện theo pháp luật của Công ty

CHỦ TỊCH HĐQT



Đặng Gia Anh